

Bản án số: 121/2024/DS-ST
Ngày 14-8-2024
V/v: Tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Nga

Ông: Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST- DS, ngày 09/11/2022 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS, ngày 27/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS, ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà P T H, sinh năm 1956;

2.2. Bà P T H 1, sinh năm 1961;

Cùng có địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

(Đều có mặt)

2. Bị đơn: Ông P Đ B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

(có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà P T N, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội

(có mặt)

3.2. Bà L T B (tức L T T M), sinh năm 1971

3.3. Anh P Đ T, sinh năm 1996

Nơi đăng ký thường trú: Số F đường số L, tổ C, Khu phố D, Phường E, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở hiện tại: Số N đường L, tổ C, Khu phố D, phường E, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

3.4. Ông P Đ T (tức P Đ 1 T), sinh năm 1965

3.5. Bà L T H, sinh năm 1965.

3.6. Anh P Đ T 2, sinh năm 1990

Cùng trú tại: thôn M, xã H, huyện I, tỉnh Lâm Đồng

3.7. Bà L T T, sinh năm 1962

3.8. Anh P Đ T 3, sinh năm 1986

3.9. Chị P T T D, sinh năm 1989

Cùng trú tại: thôn M, xã H, huyện I, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền của bà L T T, chị P T T D và anh P Đ T 3 là ông P Đ B (theo Giấy ủy quyền ngày 22/06/2021).

(Ông P Đ B có mặt, bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D vắng mặt)

3.10. Bà N T B, sinh năm 1977

3.11. Cháu P G H, sinh năm 2008

Người đại diện theo pháp luật của cháu P G H là ông P Đ B và bà N T B (là bố, mẹ đẻ của cháu).

Cùng trú tại: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội. (Ông P Đ B và bà N T B có mặt).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P Đ B và bà L T T: Ông Nguyễn Văn Quang – Luật sư của Công ty Luật TNHH Bảo Hà.

Địa chỉ liên hệ: Số S, ngõ P, TDP Q, phường Đ, quận T, thành phố Hà Nội.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà P T H 1 trình bày:

- *Về quan hệ huyết thống:*

Cụ P Đ Q, sinh năm 1930 có vợ duy nhất là cụ N T H, sinh năm 1933. Hai cụ có 07 người con chung gồm:

1. P T H, sinh năm 1956

2. P Đ N, sinh năm 1959, chết năm 2017 không để lại di chúc. Ông P Đ N có vợ duy nhất là bà L T T, sinh năm 1962. Ông P Đ N và bà L T T chỉ có 02 người con chung là: P Đ T 3, sinh năm 1986 và P T T D, sinh năm 1989, không có con nuôi, không có con riêng nào khác.

3. P T H 1, sinh năm 1961.

4. P Đ 1 T, sinh năm 1965.

5. P T N, sinh năm 1968.

6. P Đ H, sinh năm 1971, đã chết năm 2007, không để lại di chúc. Ông P Đ H có vợ duy nhất là bà L T B, sinh năm 1971. Ông P Đ H và bà L T B chỉ có 01 người con là P Đ T, sinh năm 1996 hiện ở số F, đường số L, khu phố D, phường E, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

7. P Đ B, sinh năm 1974.

Ba mẹ con là L T T và ông P Đ 1 T hiện đang ở: thôn M, xã H, huyện I, tỉnh Lâm Đồng.

Cụ P Đ Q và cụ N T H không có bố nuôi, mẹ nuôi, con riêng, không có con nuôi.

Bố mẹ đẻ của cụ P Đ Q và cụ N T H đều đã chết từ lâu và chết trước hai cụ.

Cụ P Đ Q, chết năm 2009, Cụ N T H, chết năm 2019 có để lại di chúc chung. Ông P Đ H và Ông P Đ N chết đều không để lại di chúc.

- *Về di sản thừa kế và quá trình sử dụng:* Khi chết, bố mẹ các bà có để lại di sản là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m²; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

Nguồn gốc đất là của Cụ P Đ Q và Cụ N T H tạo lập (mua) từ rất lâu có diện tích 492m², sau đó hai cụ đã làm nhà cấp 4, nhà vệ sinh, giếng khơi. Các anh chị em hai bà đều sinh ra và lớn lên trên nhà đất này cho đến khi trưởng thành, lập gia đình và ở riêng. Ông P Đ N, ông P Đ T và Ông P Đ H vào vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng, lập nghiệp và sinh sống ở đó từ những năm 1986 cho đến nay. Bố, mẹ các bà ở cùng với Ông P Đ B, khi Ông P Đ B lấy vợ tiếp tục ở cùng bố mẹ. Năm 1987, bố mẹ các bà đã bán cho ông P Đ TT một phần diện tích áng chừng khoảng hơn 200m² bao gồm cả một ngõ đi rộng 02 mét kéo dài theo thửa đất với giá 200.000 đồng. Việc mua bán có lập giấy tờ viết tay giữa hai bên nhưng khi ông P Đ TT mất thì giấy tờ đất cũng bị thất lạc. Năm 1990, ông P Đ TT không có nhu cầu sử dụng

nữa đã đồng ý cho bố mẹ các bà chuộc lại. Do bố mẹ không có tiền nên vợ chồng bà đã bỏ tiền ra chuộc lại cho bố mẹ với giá 2.000.000 đồng (= 1.4 tấn thóc), sự việc này các anh chị em trong nhà đều biết.

Ngày 27/6/2007, Cụ P Đ Q và Cụ N T H được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 875201, diện tích 492m² thửa số 50, tờ bản đồ số 18, tại thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội (bao gồm cả phần đất đã chuộc lại từ ông P Đ TT).

Năm 2006, bố mẹ các bà đã có ý định phân chia đất cho các con nên đã lập 06 bản “Giấy chia đất trong gia đình” ngày 05/8/2006 (2 bản) và ngày 08/8/2006 (04 bản) để phân chia đất cho các con, có vị trí cụ thể: chia cho ông ông P Đ N (vị trí đất giáp bà Y), ông P Đ 1 T (giáp đất Ông P Đ N), P Đ H (giáp đất ông P Đ T), mỗi người 63m² (chiều dài là 18m, chiều rộng là 3m50), chia cho ông P Đ B có vị trí giáp cổng đi nhà bà P T H, diện tích 96m² (chiều dài là 16m. Chiều rộng là 6m) và chia cho P T H 1 diện tích 185m² (chiều dài từ nhà chị P T H đến nhà bà Y là 13m, chiều rộng từ nhà ông Z ra giáp các con là 12m), chính là vị trí đất mà trước kia vợ chồng bà P T H 1 bỏ tiền ra chuộc lại cho bố mẹ. Bên dưới đều có chữ ký của bố, mẹ và các con gồm: bà P T H , bà P T H 1, bà P T N, ông P Đ T, Ông P Đ B, trưởng thôn là N D G ký chứng kiến vào “Giấy chia đất trong gia đình” lập ngày 05/8/2006 cho ông P Đ T và Ông P Đ H.

Sau khi lập các văn bản trên, Ông P Đ H và vợ là bà L T B (tức L T T M) đã nhượng lại phần đất mà bố mẹ phân chia (63m²) cho vợ chồng bà P T N với giá 280.000.000 đồng và có lập văn bản là “Giấy sang nhượng đất” ngày 18/8/2006, Ông P Đ H và bà L T T M đã ký, có sự chứng kiến của ông P Đ T.

Ngày 10/8/2006 bố mẹ các bà còn lập 01 “Biên bản họp gia đình” có đầy đủ chữ kí của bố mẹ và các con, có xác nhận của trưởng thôn: ông N D G và chữ ký xác nhận của ông chủ tịch UBND xã B để bố mẹ bà tiếp tục giao cho các con quản lý, sử dụng đất đai như tại 06 “Giấy phân chia đất đai trong gia đình” nhưng do Ông P Đ H đã bán (nhượng) lại phần đất của mình cho vợ chồng bà P T N nên nội dung Biên bản họp gia đình không giao cho Ông P Đ H nữa mà thay vào đó là giao cho bà P T N được quản lý và sử dụng thửa đất số 50 (4) diện tích 63m² (chính là phần của Ông P Đ H).

Vợ chồng bà P T N thấy mặt tiền của thửa đất hẹp (3.5m) nên đã mua thêm của bố mẹ bà 1m chiều ngang vì thế diện tích tăng lên hơn 70m². Bố mẹ các bà là người làm thủ tục chuyển nhượng phần của Ông P Đ H cho vợ chồng bà P T N vì đất vẫn mang tên bố mẹ bà nhưng toàn bộ số tiền 280.000.000 đồng, bố mẹ các bà đã đưa cho vợ chồng Ông P Đ H sử dụng. Vợ chồng bà P T N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Phần đất còn lại sau khi chuyển nhượng cho vợ chồng bà P T N là 420,5m² đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 ngày 09/4/2019 cho ông P Đ Q và bà N T H.

- Đối với Bản di chúc của bố mẹ bà lập ngày 26/5/2007: bà thừa nhận bố mẹ bà có lập bản di chúc này, bà là người giữ bản chính nhưng đến nay đã bị thất lạc, không tìm thấy nữa.

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại Tòa ngày 10/12/2022 và ngày 27/6/2023, bà P T H 1 đều xác nhận thừa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m² là di sản thừa kế của bố mẹ các bà để lại chưa chia nhưng chỉ yêu cầu chia thừa kế sau khi trừ đi diện tích bà đã chuộc của ông P Đ TT, diện tích còn lại bà yêu cầu chia thừa kế là hơn 200m² (đơn khởi kiện là 257m²).

Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án, Nguyên đơn – Bà P T H trình bày:

- Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế, quá trình sử dụng đất và phạm vi yêu cầu khởi kiện bà P T H có lời khai thống nhất với bà P T H 1 và không bổ sung gì thêm.

- Bà thừa nhận bố mẹ bà có lập 06 bản “Giấy chia đất trong gia đình” ngày 05/8/2006 (2 bản) và ngày 08/8/2006 (04 bản) để phân chia đất cho các con (có vị trí đất cụ thể) là Ông P Đ N, ông P Đ T, Ông P Đ H mỗi người 63m², bà P T H 1 185m² và Ông P Đ B 96m² như bà P T H 1 trình bày. Sau đó, ngày 10/8/2006 bố mẹ bà và các con đã thống nhất lập 01 “Biên bản họp gia đình” nhắc lại việc phân chia đất đai như tại 06 Giấy phân chia đất đai trong gia đình nêu trên nhưng vì Ông P Đ H đã nhượng (bán) phần đất được chia cho vợ chồng bà P T N sau khi được phân chia nên trong nội dung của Biên bản họp gia đình mới ghi bà P T N được quản lý, sử dụng thừa đất số 50 (4) diện tích 63m². Diện tích còn lại bố mẹ bà có quyền sử dụng.

Khi bố mẹ bà còn sống có nói khi Ông P Đ B khi xây nhà phải bớt lại 50cm chiều ngang phía giáp cổng đất nhà bà nhưng thực tế, Ông P Đ B chỉ bớt lại áng chừng khoảng 20cm là do lúc đó mẹ bà còn sống đã không đồng ý bớt đủ 50cm nữa. Sau khi Ông P Đ B làm nhà, bà mới lát lại cổng bằng gạch vuông đỏ (trước là bê tông) và đã ở ổn định cho đến nay. Bà không có ý kiến gì và không có bất cứ yêu cầu gì về việc này.

- Về Bản di chúc của bố mẹ bà lập ngày 26/5/2007, bà không biết bản di chúc này vì khi còn sống, bố bà có nói là không lập di chúc do đã phân chia đất đai cho các con như tại 06 giấy phân chia đất đai trên. Vì vậy, bà không thừa nhận di chúc nhưng bà không yêu cầu giám định chữ kí, chữ viết của bố mẹ bà trong bản di chúc này.

Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2023 của bà P T H 1 và Biên bản lấy lời khai của bà P T H ngày 06/12/2023 hai bà lại thay đổi ý kiến là yêu cầu chia thừa kế của bố mẹ là diện tích 420,5m² và xin nhận bằng hiện vật. bà P T H 1

đề nghị Tòa án xem xét chia cho bà vào vị trí đất vợ chồng bà đã chuộc lại của ông P Đ TT.

2. Bị đơn – ông P Đ B trình bày:

* Về quan hệ huyết thống Ông P Đ B có lời khai thống nhất với các nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

* Về di sản thừa kế và quá trình sử dụng đất: Ông P Đ B xác nhận thừa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m² tại thôn A, xã B, K, Hà Nội là di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ P Đ Q và cụ N T H.

Về nguồn gốc thừa đất: Ông P Đ B có lời khai thống nhất với nguyên đơn, Ông P Đ B không bổ sung gì thêm.

* Về quá trình sử dụng đất: Ông P Đ B cho rằng, bố mẹ ông đã phân chia đất đai cho các con trai khi lập gia đình riêng mỗi người một diện tích để ở ngay từ năm 1985 khi Ông P Đ N lập gia đình. Năm 2006, bố mẹ ông tiếp tục lập văn bản chia đất cho các con là: Ông P Đ H, Ông P Đ N, ông P Đ T mỗi người 3.5m mặt đường, kéo dài về phía sau và bố mẹ ông bớt lại một diện tích 2,7m mặt đường kéo dài hết thửa đất để sau này ai xây nhà thì cho thêm 1m mặt đường nữa nhưng bị thiếu nên đã lấy thêm 0.3m sang phần đất chia cho ông để đủ cho mỗi người thêm 1m mặt tiền là 4,5m. Ông P Đ H được chia 71,5m² cạnh phần đất chia cho Ông P Đ N sau đó hai ông đã đổi đất cho nhau. Năm 2007, vợ chồng Ông P Đ N và vợ chồng ông P Đ T đã làm nhà cấp 4 trên phần đất được chia. Năm 2014 gia đình Ông P Đ N phá đi làm nhà mới như hiện nay. Phần đất còn lại, bố mẹ ông chia cho ông và có giao hẹn khi làm nhà thì bớt lại cho bà P T H 0,5m chạy suốt thửa đất để nhà bà P T H mở rộng thêm cổng (vì phần đất ông được chia giáp với cổng ngõ nhà bà P T H), diện tích đất sau khi bớt 0,5m là 96m² như hiện nay. Khi phân chia đất như trên việc phân định ranh giới được sự chỉ định của bố mẹ và toàn thể các anh chị em trong gia đình, ông và anh trai là ông P Đ T đã đứng ra đo đạc và xác định mốc giới cho từng phần đất được chia trước sự chỉ đạo của bố mẹ ông. Việc phân chia bố mẹ ông có lập văn bản có xác nhận của UBND xã B nhưng mọi văn bản phân chia đã bố mẹ ông đã giao toàn bộ bản gốc cho bà P T N giữ và quản lý.

Sau khi phân chia đất, bà P T N muốn xây dựng cơ sở kinh doanh nhưng do nhà trong ngõ không thuận lợi cho việc kinh doanh nên bà P T N yêu cầu nếu muốn bà không đòi đất của bố mẹ thì Ông P Đ H phải bán lại phần diện tích đất được chia cho bà P T N với giá 250.000.000 đồng, có sự chứng kiến của nội bộ gia đình. bà P T N đã làm nhà trên đó và đã hoàn thành thủ tục tách thửa, sang tên.

Năm 2007, vợ chồng ông làm nhà ở trên phần đất được bố mẹ chia, đến năm 2016, vợ chồng ông phá nhà này đi và làm nhà mới 02 tầng 1 tum như hiện nay bằng nguồn tiền của vợ chồng ông.

Ngày 26/5/2007 bố mẹ ông lập một bản di chúc có nội dung:

“BẢN DI CHỨC

Hôm nay ngày 26/05/2007 vợ chồng tôi là P Đ Q và N T H hiện nay đang hoàn toàn minh mẫn và sáng suốt làm giấy này để phân chia tài sản (đất và nhà ở) cho các con của chúng tôi. Vợ chồng tôi có 7 người con (1 đã mất, còn 6 người) gồm 3 trai và 3 gái. Các con chúng tôi đều đã xây dựng gia đình và ở riêng. Hiện tại vợ chồng chúng tôi đang có 492 m² đất tại thôn Dương Đá, xã Dương Xá, huyện K, vợ chồng tôi đã thống nhất phân định như sau:

1. Con gái: P T H 1 khi vợ chồng tôi khó khăn đã đưa tiền để tôi chuộc lại phần đất phía sau nhà có chiều dài từ nhà chị P T H sang nhà bà Y là 13m25, chiều ngang là 12m4, tổng diện tích là 162m² với ngõ đi vào rộng 2m, dài 18m. Phần đất này chúng tôi thống nhất để cho con gái P T H 1.

2. Tôi cho con trai Phùng Đức Nam – con cả phần đất rộng 4,5m, dài 16m (tính từ nhà Phùng Thị Ninh trở ra, nhỏ hơn 70m²) vì phần đất cho Phùng Đức Nam năm 2004 đã được đổi cho con gái Phùng Thị Ninh làm nhà trước.

3. Chúng tôi cho con trai thứ là Phùng Đức Tuyển một phần diện tích đất rộng 4,5m, dài 16m tính từ nhà Phùng Đức Nam trở ra với diện tích là 70m

4. Phần đất còn lại từ nhà Phùng Đức Tuyển tôi cho con út là Phùng Đức Bộ nhưng cắt ra 50 cm cho chị gái Phùng Thị Hậu để mở rộng ngõ đi vào nhà vợ chồng con gái cả của chúng tôi là Phùng Thị Hậu

Hai vợ chồng chúng tôi đã thống nhất bàn bạc và ký tên dưới đây

Kể từ khi bản di chúc này được lập khi nào vợ chồng tôi khuất núi thì các con cứ theo đúng bản di chúc này để thực hiện để các con trai, con gái trong nhà không vì tranh chấp tài sản của bố mẹ mà mất đoàn kết"

Bên dưới có chữ ký và tên của bố P Đ Q và mẹ N T H

Có xác nhận của UBND xã: "UBND xã xác nhận bản di chúc và chữ ký của các ông, bà có tên trên là đúng, Dương Xá 27/5/07"

Ông không biết ai là người viết hộ di chúc nhưng chữ kí đúng là của bố mẹ ông. Nội dung bản di chúc chỉ là việc khẳng định lại ý chí, nguyện vọng của bố mẹ ông về việc phân chia đất đai cho các con như đã phân chia trước đó. Tuy nhiên về diện tích có sự thay đổi là do bố mẹ ông không giữ lại đất cho riêng mình nữa nên 1 đã chia đều cho 3 con trai là Ông P Đ N, Ông P Đ H và ông P Đ T.

Việc bà P T H và bà P T H 1 khởi kiện chia thừa kế của bố mẹ ông là không có căn cứ vì trước khi qua đời, Cụ P Đ Q và Cụ N T H đã thống nhất phân định rõ ràng, phân chia, định đoạt cho từng con trai, con gái từng diện tích đất sử dụng cụ thể, các bên đã sử dụng ổn định, tổ chức xây dựng công trình nhà ở, không ai thắc mắc, không ai khiếu kiện, các thành viên đã xây dựng nhà, người thì ở, người thì cho thuê khi bố mẹ ông còn sống. Thực tế sử dụng hiện nay phù hợp với các văn bản phân chia đất đai trong gia đình cũng như bản di chúc của bố mẹ ông mà ông đã giao nộp cho Tòa án.

Về việc bản di chúc của bố mẹ ông đã được công chứng tại văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, ông khẳng định việc công chứng đúng theo quy định của pháp luật.

3. Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà P T N trình bày:

- Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế của quá trình sử dụng đất, bà P T N có lời khai thống nhất với nguyên đơn.

- Bà thừa nhận, khi bố mẹ còn sống đã lập 06 giấy phân chia đất trong gia đình, biên bản họp gia đình ngày 10/8/2000 và đã giao cho các con là ông P Đ T, Ông P Đ N, Ông P Đ H, bà P T H 1 và Ông P Đ B quản lý, sử dụng như nội dung tại các văn bản này. Sau khi bố mẹ được bố mẹ giao đất, Ông P Đ H đã nhượng (bán) lại phần của mình là 63m² cho vợ chồng bà với giá 280.000.000 đồng. Để tránh tranh chấp sau này, Ông P Đ H và vợ là bà L T B (tức L T T M) đã viết Giấy sang nhượng đất cho bà, có sự chứng kiến của ông P Đ T. Do mặt tiền của thửa đất hẹp, chỉ có 3,5 mét, vợ chồng bà đã mua của bố mẹ thêm 1 mét chiều ngang nữa nên diện tích là 71,5m². Do đất vẫn mang tên bố mẹ nên bố mẹ bà là người thực hiện thủ tục chuyển nhượng, sang tên và đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Bà xác định thửa đất số 50 (2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m² là tài sản của bố mẹ bà để lại chưa chia. Khi bố mẹ bà còn sống có việc phân chia đất đai cho các con như các văn bản trên nhưng chỉ là dự kiến vì bố mẹ bà sợ các con bán đất, khi cần lại không có chỗ ở nên không làm thủ tục tách thửa cho từng người.

- Về Bản di chúc của bố mẹ bà lập ngày 26/5/2007: bà khẳng định không phải chữ viết của bố bà, bà không biết ai viết, không ghi người viết là ai nên bà khẳng định không phải là ý chí của bố mẹ nên bà không chấp nhận di chúc này bởi chưa bao giờ bà nghe bố mẹ nói đến việc lập di chúc. Sau khi bố bà mất, mẹ bà đã căn dặn không cho Ông P Đ B đất nữa do vợ chồng Ông P Đ B rất hỗn láo với mẹ. Để chứng minh, bà có nộp cho Tòa án 01 USB ghi âm giọng nói của mẹ bà và 1 văn bản ghi lại nội dung này.

- Quan điểm của bà trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế của bố mẹ theo pháp luật do trước khi mẹ bà mất đã không đồng ý chia đất cho các con như đã phân chia nữa. Nếu Tòa án chia thừa kế, bà xin nhận bằng hiện vật và không yêu cầu thanh toán công sức gì cho bà.

Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác

3.2. Ông P Đ T (tức P Đ 1 T) và bà L T H thống nhất trình bày:

- Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, nguồn gốc di sản của Cụ P Đ Q và Cụ N T H và quá trình sử dụng đất: ông P Đ T và bà Hạnh đều nhất trí với lời trình bày của bà P T H 1 và không bổ sung gì thêm.

- Khi còn sống, bố mẹ ông bà đã phân chia đất cho các con trai là Ông P Đ N, ông P Đ T, Ông P Đ H, Ông P Đ B và bà P T H 1. Chính bố mẹ ông đã chỉ vị trí để ông và Ông P Đ B cầm thước đo chiều dài các cạnh từng phần đất: Ông P Đ N,

Ông P Đ H và ông mỗi người 3,5m chiều ngang chạy dài hết đất, bà P T H 1 là 2m để làm lối đi vào (phía giáp nhà bà Mát) đến phía trong mới rộng ra, bố mẹ ông bót lại 2,7m chiều ngang để lại cho chính mình, phần còn lại chia cho Ông P Đ B. Vị trí chia đất như sau: phần của bà P T H 1 giáp nhà bà Mát, tiếp đến là của Ông P Đ N, cạnh Ông P Đ N là của ông, tiếp đến Ông P Đ H, cạnh Ông P Đ H là phần đất của bố mẹ ông bót lại cho chính bố mẹ tôi, cuối cùng là phần đất của Ông P Đ B. Sau khi chia, bố mẹ ông đã giao mốc giới cho từng người xong thì Ông P Đ N và Ông P Đ H đổi vị trí đất cho nhau. Để thể hiện đúng việc phân chia đất như trên và cho rõ ràng, tránh tranh chấp sau này, bố mẹ ông đã lập 06 bản “Giấy chia đất trong gia đình” như bà P T H 1 đã trình bày, tất cả các anh chị em ông đều biết và đồng ý, không có tranh chấp hay ý kiến nào khác.

- Về việc Ông P Đ H nhượng lại phần đất được bố mẹ giao cho quản lý, sử dụng cho vợ chồng bà P T N, ông P Đ T và bà Hạnh đều có lời khai như bà P T N trình bày.

Mặc dù bố mẹ ông bà đã phân chia đất cho các con như trên nhưng lại chưa làm thủ tục tách thửa, sang tên cho các con nên ông, bà xác định diện tích 420.5m² thuộc thửa số 50 (2), tờ bản đồ số 18 tại thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội vẫn là tài sản của Cụ P Đ Q và Cụ N T H.

- Đối với bản di chúc Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập ngày 26/5/2007: ông, bà xác nhận đúng là bản di chúc mà Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập để phân chia đất cho các con khi hai cụ còn minh mẫn và đúng ý chí của bố mẹ ông, bà bởi cũng phù hợp với thực tế các con đang sử dụng như hiện nay nhưng ông, bà không biết ai là người giữ bản chính.

- ông P Đ T và bà Hạnh có xuất trình một “Giấy di chúc” ngày 25/5/2015 của Cụ N T H do bà P T N là người viết, có chữ kí “Hào”, ghi tên “Nguyễn Hào”, chữ kí và ghi họ tên P T N, bà P T H, P T H 1 và có xác nhận của trưởng thôn ông Phùng Đắc Việt có nội dung: *“Tên tôi là N T H, sinh năm: 1933; trú quán: thôn Đá, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội. Tôi viết giấy này để cho con trai tôi là P Đ 1 T, sinh năm: 1965 có quyền sử dụng mảnh đất mặt tiền là 4,6m chiều dài hết mảnh đất của tôi là 17 và 15m. Kể từ nay anh Tuyến được quyền sử dụng mảnh đất này, không được bán”*. Do sai sót nên đã viết nhầm thành *“...chiều dài hết mảnh đất của tôi là 17 và 15m...”* đúng là chiều dài hết mảnh đất là 17,15m, nội dung chỉ nhắc lại việc phân chia diện tích đất và vị trí đất cho ông P Đ T như di chúc lập ngày 26/5/2007. Ngoài hai bản di chúc này ra, bố mẹ ông, bà không còn bản di chúc nào.

- Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc ngày 26/5/2007 và di chúc ngày 25/5/2015 vì đây chính là nguyện vọng của bố mẹ ông, bà khi còn sống. Ông, bà đồng ý giữ nguyên hiện trạng theo số đo thực tế và đề nghị Tòa án xem xét đối với giá trị tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 mà vợ chồng ông, bà xây dựng.

ông P Đ T và bà Hạnh không có yêu cầu nào khác, không có yêu cầu độc lập

3.3. Người đại diện theo ủy quyền của bà L T T, chị P T T D và anh P Đ T 3 là ông P Đ B trình bày:

- Bà L T T là vợ ông P Đ N (sinh năm 1959). Ông P Đ N và bà L T T có 02 người con chung là: P Đ T 3, sinh năm 1986 và Phùng Thị Thủy Dương, sinh năm 1989. Ông P Đ N không có bố nuôi, mẹ nuôi, vợ, con nuôi, con riêng. Ông P Đ N chết ngày 09/6/2017, không để lại di chúc. Hiện bà L T T và hai con đang ở tại nhà ở thôn 2, xã H, huyện I, tỉnh Lâm Đồng.

- Lời khai cũng như quan điểm, nguyện vọng của bà L T T, chị P T T D và anh P Đ T 3 đều thống nhất với ông là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng tài sản như các văn bản là các giấy phân chia đất trong gia đình (06 giấy), Biên bản họp gia đình ngày 10/8/2000, Di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập ngày 26/5/2007 và không có bất cứ yêu cầu nào khác.

3.4. Bà N T B trình bày: bà là vợ của ông P Đ B. Hiện gia đình bà gồm 3 thành viên là bà, Ông P Đ B và con của vợ chồng bà là cháu P G H, sinh năm 2008 đang sinh sống thường xuyên trên nhà đất đang tranh chấp. Ngoài ra không còn ai khác. Bà hoàn toàn nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của Ông P Đ B và không bổ sung gì thêm, không có yêu cầu nào khác.

3.5. Bà L T B tức L T T M và anh P Đ T: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ và thông báo lời khai của các đương sự trong vụ án cho bà L T B và anh Tuấn nhưng bà L T B và anh Tuấn không gửi văn bản ghi ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, bà L T B và anh Tuấn không có lời khai tại Tòa án.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/6/2024: vợ chồng Ông P Đ B có lời xin lỗi các chị vì có phần cư xử không đúng mực và mong sau này anh, chị, em trong gia đình tôn trọng và đoàn kết với nhau. bà P T H 1, bà P T H , ông P Đ T, bà P T N, bà Hạnh đều nhất trí bỏ qua cho vợ chồng Ông P Đ B. Vì vậy, các đương sự có mặt là bà P T H 1, bà P T H , Ông P Đ B, ông P Đ T, bà Hạnh và bà N T B đã hòa giải và thỏa thuận được với nhau như sau: Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế của Cụ P Đ Q và Cụ N T H là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội xác định theo diện tích đo đạc thực tế tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2023 là 445,8m². Bà P T N và P T H tự nguyện không nhận kỉ phần thừa kế của mình. Các đương sự đồng ý, thống nhất phân chia di sản thừa kế theo các văn bản là các giấy phân chia đất trong gia đình (06 giấy), Biên bản họp gia đình ngày 10/8/2000, Di chúc của bố mẹ lập ngày 26/5/2007 và giữ nguyên hiện trạng nhà, đất và không có bất cứ yêu cầu nào khác. Không đương sự nào yêu cầu thanh toán công sức khi chia thừa kế. Các tài sản gắn liền với đất trên phần đất của ai được chia thì được quyền sở hữu và tiếp tục sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các đương sự có mặt là bà P T H 1, bà P T H , Ông P Đ B, bà P T N, ông P Đ T, bà N T B vẫn giữ nguyên quan điểm như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/6/2024 và đề nghị Tòa án chia thừa kế của Cụ P Đ Q và Cụ N T H là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội theo 06 giấy phân chia đất trong gia đình, Biên bản họp gia đình ngày 10/8/2000, di chúc của bố mẹ lập ngày 26/5/2007 (cho dù có hợp pháp hay không) theo diện tích đo thực tế; các tài sản gắn liền với đất trên phần đất của ai được chia thì được quyền sở hữu, tiếp tục sử dụng và không đương sự nào yêu cầu thanh toán công sức khi chia thừa kế theo hướng giữ nguyên hiện trạng.

bà P T H và bà P T N có quan điểm thống nhất: Sau khi phân chia đất đai, nếu ông P Đ T và hai con Ông P Đ N sau này có chuyển nhượng thì đề nghị cho hai bà giá trị của 1 mét đất chiều ngang chạy dài hết thửa đất tại thời điểm chuyển nhượng. Ông P Đ T và ông P Đ B (là người nhận ủy quyền của vợ con Ông P Đ N là bà Nguyễn Thị Tuyền, anh P Đ T 3 và chị P T T D) đồng ý với đề nghị của bà P T H và bà P T N.

Ông P Đ B trình bày: vợ chồng ông là người đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 ngày 09/4/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông P Đ Q và bà N T H. Ông sẽ xuất trình khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để làm thủ tục cấp biến động theo Bản án, quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L T H, bà N T B, anh P Đ T 2 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến bổ sung gì. Đối với bà L T B và anh P Đ T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Toà án nhân dân huyện K thụ lý vụ án là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ và đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế”. Cụ P Đ Q mất ngày 17/02/2009, cụ N T H mất ngày 11/10/2019, thời hiệu khởi kiện được tính là 30 năm kể từ ngày người để lại di sản chết. Tòa án nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bà P T H và bà P T H 1 ngày 15/7/2021 là vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện.

+ Về hàng thừa kế.

Căn cứ lời khai của các đương sự và theo quy định tại Điều 651, Điều 652, của BLDS năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của Cụ P Đ Q và Cụ N T H gồm: bà P T H, ông P Đ N, bà P T H 1, ông P Đ 1 T, bà P T N, ông P Đ H và ông P Đ B. Ông P Đ N, chết năm 2017. Hàng Thừa kế thứ nhất của Ông P Đ N là bà L T T, anh P Đ T 3 và P T T D. Ông P Đ H chết năm 2007. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông P Đ H là bà L T B và anh P Đ T.

+ Về di sản thừa kế: thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m²; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ P Đ Q và Cụ N T H ngày 09/4/2019, từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất đến nay không ai có khiếu nại hay thắc mắc gì. Do đó, xác định đây là di sản thừa kế của Cụ P Đ Q và Cụ N T H. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2023 của Tòa án, diện tích đo thực tế là 445,8m², qua xác minh thể hiện các đương sự đã sử dụng ổn định nhiều năm, không có tranh chấp, không lấn chiếm đất công. Vì vậy căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 xác định diện tích thửa đất theo số đo thực tế là 445,8m²

+ Chia di sản thừa kế:

Xét tính hợp pháp của di chúc của Cụ P Đ Q và cụ Hảo lập ngày 26/5/2007: Di chúc được lập thành văn bản, có chữ ký, của Cụ P Đ Q và Cụ N T H, có xác nhận của chính quyền địa phương :

Về nội dung di chúc, nội dung di chúc phù hợp với ý chí của Cụ P Đ Q và Cụ N T H từ thời điểm lập giấy phân chia đất đai đầu tiên, sau khi được phân chia đất, các con của Cụ P Đ Q, Cụ N T H đã sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Theo Điều 668 Bộ luật dân sự 2005, di chúc Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập năm 2007 trên là di chúc chung vợ chồng nên có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết là ngày Cụ N T H chết, tức là ngày 11/10/2019.

Do đó, căn cứ Điều 649, 650, 652, 657, 668 Bộ luật dân sự 2005, di chúc trên có hiệu lực pháp luật nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của Cụ P Đ Q, Cụ N T H là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18 theo diện tích đo đạc thực tế là 445,8m² và chia thừa kế theo di chúc lập ngày 26/5/2007 cho bà P T H 1, Ông P Đ B, ông P Đ T, Ông P Đ N cũng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự có mặt tại phiên tòa, cụ thể như sau: Ông P Đ B được chia thừa kế 01 thửa đất diện tích 98,5m²; ông Phùng Đức (Đắc) Tuyển được chia thừa kế 01 thửa đất diện tích 78m²; ông P Đ N (bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D là người hưởng thừa kế thay Ông P Đ N) được chia thừa kế 01 thửa đất diện tích 76m²; bà P T H 1 được chia thừa kế 01 thửa đất diện tích 193,3m².

- Về án phí, chi phí tố tụng: theo quy định của pháp luật.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P Đ B, bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D là luật sư Nguyễn Văn Quang trình bày:* Cụ P Đ Q và cụ N T H khi mất để lại tài sản là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m²; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai cụ. Khi còn sống, hai cụ đã thống nhất phân chia đất đai cho các con là Ông P Đ N, ông P Đ T, bà P T H 1, Ông P Đ B, Ông P Đ H (nhưng đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà P T N) rõ ràng, có diện tích và vị trí cụ thể. Ý chí định đoạt của hai cụ thể hiện rõ tại 06 Giấy phân chia đất đai trong gia đình, biên bản họp gia đình ngày 10/8/2000 và bản di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập ngày 26/5/2007. Các con đã sử dụng ổn định, tổ chức xây dựng công trình nhà ở, người thì ở, người thì cho thuê khi bố mẹ các đương sự còn sống, không ai thắc mắc, không ai khiếu kiện. Do đó để tôn trọng quyết định của Cụ P Đ Q, Cụ N T H khi còn sống, cũng như phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, đề nghị Tòa án công nhận di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập ngày 26/5/2007 và chia thừa kế theo di chúc này theo hướng giữ nguyên hiện trạng và chia theo diện tích đo thực tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã B, K, Hà Nội. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp chia thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Tòa án nhân dân huyện K giải quyết tranh chấp là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền lãnh thổ và thẩm quyền về loại việc.

[1.2]. Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: là bà L T H, bà N T B, anh P Đ T 2 vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L T B và anh P Đ T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều: 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho các đương sự này theo thủ tục chung.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ P Đ Q mất ngày 17/02/2009, thời điểm mở thừa kế di sản của Cụ P Đ Q là ngày 17/02/2009. Cụ N T H mất ngày 11/10/2019, thời điểm mở thừa kế di sản của Cụ N T H là ngày 11/10/2019. Ngày 15/7/2021 bà P T H và bà P T H 1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là nhà, đất tại xã B, K, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm nên yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ P Đ Q và Cụ N T H còn trong thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đương sự cũng

không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai thống nhất của các đương sự được xác định như sau: Cụ P Đ Q có vợ là cụ N T H hiện nay không có đăng ký kết hôn nhưng hai cụ chung sống với nhau và có con chung nên coi đây là hôn nhân thực tế.

Cụ P Đ Q và Cụ N T H có 07 người con chung là: Bà P T H, ông P Đ 1 T, bà P T H 1, ông P Đ N, ông P Đ H, bà P T N và ông P Đ B. Cụ P Đ Q và Cụ N T H không ai có con riêng, không có con nuôi và bố mẹ hai cụ đều đã mất. Căn cứ Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của Cụ P Đ Q và Cụ N T H là 07 người con chung như trên.

Ông P Đ N chết ngày 09/6/2017, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông P Đ N là vợ Ông P Đ N – bà L T T và hai con chung của Ông P Đ N và Tuyên là anh P Đ T 3 và chị Phùng Thị Thủy Dương. Ông P Đ N và bà L T T không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Phùng Đức Huân chết ngày 12/7/2007, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông P Đ H là vợ Ông P Đ H – bà L T B (tức L T T M) và con chung của Ông P Đ H và bà L T B là anh P Đ T. Ông P Đ H và bà L T B không có con nuôi, con riêng nào khác.

[2.2]. Về di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều có lời khai thống nhất là: sinh thời, Cụ P Đ Q và Cụ N T H có tạo lập (mua) được 492m² mang số thửa 50, tờ bản đồ số 18, tại thôn A, xã B, K, Hà Nội. Hai cụ đã làm nhà cấp 4, nhà vệ sinh, giếng khơi và đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 875201, ngày 27/6/2007 cho hai cụ. Năm 2009, hai cụ đã tách thửa, sang tên cho vợ chồng con gái là bà P T N và ông Lê Huy Tuấn diện tích 71.5m². Diện tích còn lại đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 ngày 09/4/2019 cho ông P Đ Q và bà N T H là 420,5m² có số thửa 50 (2), tờ bản đồ số 18, là tài sản của hai cụ để lại sau khi chết chưa chia. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.3]. Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích 420,5m² thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, thôn A, xã B, K, Hà Nội, không yêu cầu chia thêm di sản nào khác. Theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự: “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự*

và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Bà P T H và P T H 1 khởi kiện ông P Đ B, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P Đ Q và cụ Nguyễn Thị Hảo để lại là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích 420,5m²; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

[2.4.1]. Xét 06 “Giấy chia đất trong gia đình”, biên bản họp gia đình ngày 10/8/2006 và bản di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H ngày 26/5/2007.

Các đương sự (trừ bà L T B và anh P Đ T do không có lời khai) đều có lời khai thống nhất là: khi Cụ P Đ Q và Cụ N T H còn sống, đã thực hiện việc phân chia đất đai cho các con, có vị trí và các cạnh cụ thể và đã lập 06 “Giấy chia đất trong gia đình” ngày 05/8/2006 (2 bản), ngày 08/8/2006 (04 bản) đều có chữ kí của Cụ P Đ Q, Cụ N T H và của những người con được chia đất, cụ thể: Ông P Đ N, ông P Đ T, Ông P Đ H, mỗi người được 63m², bà P T H 1 185m² và Ông P Đ B được 96m². Cụ P Đ Q là người chỉ mốc giới để cho ông P Đ T và Ông P Đ B cầm thước dây đo từng vị trí thửa đất. Ngày 10/8/2006, Cụ N T H, Cụ P Đ Q và các con tiếp tục lập 01 “Biên bản họp gia đình” để nhắc lại việc phân chia đất đai như tại 06 “Giấy phân chia đất đai trong gia đình” và diện tích đất còn lại là của bố mẹ. Sau khi phân chia đất, những người con được chia là Ông P Đ N, ông P Đ T, bà P T H 1 và Ông P Đ B đã sử dụng như thực tế hiện nay. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự việc không cần chứng minh nên có căn cứ khẳng định có việc Cụ P Đ Q, Cụ N T H đã phân chia đất cho các con như nội dung các văn bản trên nhưng chưa thực hiện việc tách thửa, sang tên cho từng người.

[2.4.2]. Chính vì lẽ đó, ngày 26/5/2007, hai cụ tiếp tục lập bản di chúc để định đoạt phần tài sản của mình sau khi mất. Ông P Đ B là người xuất trình cho Tòa án bản di chúc là bản sao do Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga chứng thực số 2146, ngày 12/01/2022, ông không giữ bản chính. bà P T H 1 xác nhận bà là người giữ di chúc bản chính nhưng đến nay đã thất lạc, không tìm được, Ông P Đ B khẳng định ông đã mượn bà P T H 1 bản di chúc này để mang đi sao chứng thực. Bà P T H 1, ông P Đ B và vợ chồng ông P Đ T đều khai Cụ P Đ Q và Cụ N T H có lập bản di chúc ngày 26/5/2007 để phân chia đất đai cho các con. bà P T H và bà P T N không thừa nhận di chúc vì chưa bao giờ nghe bố mẹ nói đến việc lập di chúc nhưng cho dù di chúc này có hay không thì các bà vẫn đồng ý phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo hướng giữ nguyên hiện trạng.

Tại Công văn số 10/2024/CV-VPCC, ngày 22/01/2024 của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, phúc đáp công văn số 32/CV-TA, ngày 12/01/2024 của Tòa án về việc thực hiện sao công chứng bản di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H cung cấp: Từ ngày 17/5/2023, văn phòng Công chứng Trương Thị Nga đổi tên thành Văn phòng Công chứng Lại Khánh. Văn phòng không lưu trữ bản sao từ bản chính, tuy

nhiên, tại Sổ theo dõi số chứng thực bản sao từ bản chính năm 2022 của Văn phòng thì ngày 12/01/2022, Văn phòng có chứng thực bản sao số 2146 là “Di chúc”. Các công chứng viên của Văn phòng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính là người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản gốc tài liệu, giấy tờ cần chứng thực để Công chứng viên thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu. Theo Biên bản làm việc ngày 17/6/2024 của Tòa án với ông Dương Hải Quân là người ký xác nhận di chúc, ông Quân cho biết: ông có ký xác nhận di chúc của Cụ P Đ Q và Cụ N T H với tư cách Chủ tịch UBND xã B, thời điểm đó Cụ P Đ Q và Cụ N T H đều minh mẫn. UBND xã B cũng cung cấp: ngày 27/5/2007, ông Dương Hải Quân đang làm Chủ tịch UBND xã B và có xác nhận di chúc và chữ ký của cụ P Đ Q và cụ N T H là đúng thẩm quyền.

Như vậy có căn cứ khẳng định, Cụ P Đ Q và Cụ N T H có lập di chúc ngày 26/5/2007. Mặc dù đến nay người giữ di chúc là bà P T H 1 đã làm thất lạc bản chính nhưng có bản bản sao được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên bản sao có giá trị như bản chính.

Về hình thức: Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập di chúc bằng văn bản, đã ký tên đầy đủ, khi lập di chúc, Cụ P Đ Q và Cụ N T H minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, hoặc cưỡng ép, Chủ tịch UBND xã B là ông Dương Hải Quân kí, đóng dấu xác nhận bản di chúc và chữ ký của Cụ P Đ Q, Cụ N T H là đúng. Vì vậy, đây là di chúc bằng văn bản có chứng thực, hình thức di chúc phù hợp với các Điều 649 và 650 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 nên hợp pháp.

Về nội dung di chúc: Tại thời điểm Cụ P Đ Q và Cụ N T H lập di chúc, diện tích đất là 492m² (chưa tách thửa, sang tên cho vợ chồng bà P T N). Di chúc có ghi ngày, tháng, năm lập di chúc, họ tên của người lập di chúc là Cụ P Đ Q và Cụ N T H, xác định rõ tài sản là 492m² đất, phân chia cho từng người con và có mô tả vị trí cụ thể: bà P T H 1 được chia 162m²; ông P Đ N được chia thửa đất rộng 4,5m, dài 16m giáp nhà bà P T N trở ra, nhỏ hơn 70m²; ông P Đ T được chia thửa đất rộng 4,5m, dài 16m tính từ nhà Ông P Đ N trở ra, diện tích 70m²; phần còn lại của Ông P Đ B nhưng cắt ra 50 cm cho chị gái P T H để mở rộng ngõ đi vào nhà. Căn cứ các Điều 652 và 654 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, HĐXX xác định nội dung di chúc hợp pháp. Di chúc có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 649, 650, 652, 653 654 và 656 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự trình bày: sau khi được bố mẹ phân định đất đai, vợ chồng Ông P Đ H và bà L T B đã chuyển nhượng phần của mình (63m²) cho vợ chồng bà P T N nhưng bố mẹ là người thực hiện thủ tục chuyển nhượng do đất vẫn mang tên Cụ P Đ Q và Cụ N T H. Điều này phù hợp với việc tại giấy phân chia đất trong gia đình, Ông P Đ H được bố mẹ phân chia 63m² nhưng tại biên bản họp gia đình có nội dung bà P T N được quản lý, sử dụng 63m² và di chúc ngày 26/5/2006 không có tên Ông P Đ H. Như vậy, nội dung trình bày của các đương sự là khách quan, có căn cứ.

[2.4.3]. Đối với “Giấy di chúc” ngày 25/5/2015 của cụ N T H do bà Hạnh (vợ ông P Đ T) xuất trình có nội dung nhắc lại việc bố mẹ phân chia phần đất cho ông P Đ T như nội dung bản di chúc ngày 26/5/2006: di chúc có bà P T H 1, bà P T N và P T H là những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của Cụ N T H kí nên vi phạm khoản 1 Điều 654 của Bộ luật dân sự về những người không được làm chứng cho việc lập di chúc, do vậy, di chúc này không hợp pháp.

[2.4.4]. Về văn bản viết tay ghi ngày 24/6/2019: Theo bà P T N trình bày đây là văn bản do Cụ N T H viết nhưng không kí, các đương sự khác không thừa nhận nên không có căn cứ xác nhận văn bản này thể hiện ý chí của Cụ N T H nên HĐXX không chấp nhận. Đối với 1 USB do bà P T N xuất trình có nội dung ghi âm nhưng bà P T N không yêu cầu giám định, mặt khác, bà P T N đồng ý giữ nguyên hiện trạng khi chia thừa kế nên HĐXX không xem xét.

Như vậy, có thể thấy, ý chí của Cụ P Đ Q và Cụ N T H mong muốn phân chia đất ở của mình cho các con sau khi chết xuyên suốt từ thời điểm lập giấy phân chia đất đai đầu tiên đến Biên bản họp gia đình và sau cùng là bản di chúc lập ngày 26/5/2006. Sau khi được phân chia đất, các con của Cụ P Đ Q, Cụ N T H đã sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Các đương sự đều thống nhất đồng ý chia thừa kế theo hướng giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất (theo diện tích, số đo thực tế), cũng là phù hợp với nội dung biên bản họp gia đình cũng như bản di chúc ngày 26/5/2006 và tài sản trên phần đất của ai được chia, thuộc sở hữu của người đó.

[2.5]. Đối với phần bót lại cho bà P T H , (bà P T H áng chừng khoảng 20cm) là do lúc đó Cụ N T H còn sống, không đồng ý bót lại cho bà P T H đủ 50cm nữa, nay bà P T H không có ý kiến gì nữa, không có bất cứ yêu cầu gì về việc này nên không xem xét đối với phần bót lại này theo di chúc.

[3]. Về số đo, kích thước các cạnh của thửa đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2023 của Tòa án, diện tích đất đo thực tế là 445,8m² tăng thêm 25,3m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương: Cụ P Đ Q, cụ Hảo và sau này là các con của hai cụ đã sử dụng thửa đất ổn định nhiều năm không có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng, không lấn chiếm đất công. Như vậy sự chênh lệch diện tích là do đo đạc. Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013, HĐXX xác định diện tích thửa đất theo số đo thực tế là 445,8m². Vì vậy, diện tích đất chia cho các thừa kế cũng sẽ điều chỉnh tăng lên theo diện tích thực tế.

Đối với các tài sản trên đất, các đương sự đã thống nhất: tài sản trên phần đất của ai là của người đó, các đương sự không tranh chấp.

[4]. *Phần chia thừa kế*: Di sản thừa kế của Cụ P Đ Q và Cụ N T H là thửa đất số 50(2), tờ bản đồ số 18, diện tích thực tế là 445,8m², chia theo di chúc cho bà P T H 1, ông P Đ B, ông Lê Đức Tuyên và ông P Đ N (hàng thừa kế thứ nhất của

Ông P Đ N là vợ và con Ông P Đ N là bà L T T, anh P Đ T 3 là chị P T T D hưởng thay Ông P Đ N) như sau:

[4.1]. Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2024 của Toà án, giá trị đất là 50.000.000 đồng/m²: 445,8m² x 50.000.000 đồng/m² = 22.290.000.000 đồng.

[4.2]. Chia hiện vật: giữ nguyên hiện trạng, vị trí sử dụng: Diện tích 445,8m² được giới hạn bởi các điểm từ 1-14:

- Ông P Đ B được chia thừa kế diện tích 98,5m², được giới hạn bởi các điểm: 1,2,13,14,1: trị giá: 4.925.000.000 đồng. Vợ chồng ông P Đ B và bà N T B được sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà hai tầng 1 tum, diện tích 76,6m², trị giá 879.280.000 đồng (làm tròn); 01 mái Bro xi măng diện tích 19,8m², trị giá 710.000 đồng (làm tròn); 19,8m² sân gạch, trị giá 717.750 đồng; cửa xếp trị giá 1.060.800 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 881.768.550 đồng. Đất và tài sản trên đất Ông P Đ B và bà N T B được hưởng trị giá: 5.806.7678.550 đồng.

- Ông P Đ T được chia thừa kế thừa đất diện tích 78m² được giới hạn bởi các điểm: 1,3,15,11,12,13,2: trị giá 3.900.000.000 đồng.

ông P Đ T và vợ là bà L T H được sở hữu tài sản trên đất gồm: 1 nhà cấp 4 (gồm hai khối nhà, bao gồm 1 cửa sắt và 1 cửa xếp) có diện tích 54,4m² trị giá 76.585.000 đồng; sân lợp Bro xi măng diện tích 23,6m², trị giá 0 đồng; 01 mái Bro xi măng diện tích 23,6m², trị giá 0 đồng; Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 3.976.585.000 đồng.

- Những người thừa kế của ông P Đ N là bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D được chia thừa kế diện tích 76m² được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,15,3, trị giá 3.800.000.000 đồng và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 diện tích 76m² (gồm cửa sắt diện tích 2,6m², 01 cửa xếp diện tích 7.0m² và một đoạn tường chung với nhà ông P Đ T diện tích 23,3m²), trị giá 109.516.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất trị giá: 3.909.516.000 đồng.

- Bà P T H 1 được chia thừa kế thừa đất diện tích 193,3m² được giới hạn bởi các điểm: 7,8,9,10,11,15,5,6,7: trị giá 9.665.000.000 đồng. bà P T H 1 được sở hữu 01 mái Bro xi măng trị giá 0 đồng; 01 cây Cau trị giá 189.000 đồng; 01 cây Bưởi trị giá 168.000 đồng và hai cây Nhãn trị giá 1.638.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất bà P T H 1 được hưởng là 9.666.995.000 đồng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án)

[5]. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ông P Đ B và vợ là bà N T B là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/4/2019 cho ông P Đ Q và bà N T H. Vì vậy, Ông P Đ B và bà N T B có nghĩa vụ giao lại cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới hoặc điều chỉnh lại theo bản án của Tòa án và theo quy định của pháp luật.

[6]. *Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K* tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. *Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn* là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ vào Luật Người cao tuổi và căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tại thời điểm xét xử, bà P T H 1 đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm. Các đương sự được hưởng kỷ phần thừa kế phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 635, 649, 650, 652, 653, 654, 655, 656, 666 và 676 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 623 của Bộ Luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P T H 1 và P T H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P Đ Q và cụ N T H theo di chúc.

2. Xác định diện và hàng thừa kế: Cụ P Đ Q mất ngày 17/02/2009, cụ N T H mất ngày 11/10/2019, có để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế là khi hai cụ chết. Hàng thừa kế thứ nhất của Cụ P Đ Q và Cụ N T H gồm 7 người con: bà P T H, ông P Đ N, bà P T H 1, ông P Đ 1 T, bà P T N, ông P Đ H và ông P Đ B. Ông P Đ N, chết năm 2017. Hàng Thừa kế thứ nhất của Ông P Đ N là bà L T T, anh P Đ T 3 và P T T D. Ông P Đ H chết năm 2007. Hàng thừa kế thứ nhất của Ông P Đ H là bà L T B và anh P Đ T.

3. Xác định: Quyền sử dụng thửa đất số 50 (2), tờ bản đồ 18, diện tích đo thực tế là 445,8m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 do Sở Tài

nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/4/2019, đứng tên chủ sử dụng là cụ P Đ Q và cụ N T H tại thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ P Đ Q và cụ N T H.

4. Công nhận Bản di chúc do cụ P Đ Q và cụ N T H lập ngày 26/5/2007 là hợp pháp. Di sản đưa ra xem xét giải quyết phân chia là thửa đất số 50 (2), tờ bản đồ 18, diện tích là 445,8m² tại thôn A, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội, chia theo di chúc cho: Bà P T H 1, ông P Đ B, ông P Đ T và ông P Đ N (có bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D là hàng thừa kế thứ nhất của Ông P Đ N) như sau:

4.1. Bà P T H 1 được chia 193,3m² đất được giới hạn bởi các điểm: 7,8,9,10,11,15,5,6,7: trị giá 9.665.000.000 đồng và được sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 mái Bro xi măng; 01 cây Cau; 01 cây Bưởi và hai cây Nhãn. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất bà P T H 1 được hưởng là 9.666.995.000 đồng.

4.2. Ông P Đ B được chia diện tích 98,5m² đất, được giới hạn bởi các điểm: 1,2,13,14,1: trị giá: 4.925.000.000 đồng.

Vợ chồng ông P Đ B và vợ là bà N T B được sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà hai tầng 1 tum, diện tích 76,6m², 01 mái Bro xi măng diện tích 19,8m², 19,8m² sân gạch, 01 cửa xếp. Tổng giá trị tài sản trên đất là 881.768.550 đồng.

Đất và tài sản trên đất Ông P Đ B và bà N T B được hưởng trị giá: 5.806.7678.550 đồng.

4.2. Ông P Đ T được chia 78m² đất được giới hạn bởi các điểm: 1,3,15,11,12,13,2: trị giá 3.900.000.000 đồng.

ông P Đ T và vợ là bà L T H được sở hữu tài sản trên đất gồm: 1 nhà cấp 4 (gồm hai khối nhà, bao gồm 1 cửa sắt và 1 cửa xếp) có diện tích 54,4m², sân lợp Bro xi măng diện tích 23,6m², 01 mái Bro xi măng diện tích 23,6m²: trị giá 76.585.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 3.976.585.000 đồng.

4.3. Những người thừa kế của ông P Đ N là vợ và con Ông P Đ N gồm: bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D được chia diện tích 76m² đất được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,15,3, trị giá 3.800.000.000 đồng và sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 diện tích 76m² (gồm cửa sắt diện tích 2,6m², 01 cửa xếp diện tích 7.0m² và một đoạn tường chung với nhà ông P Đ T diện tích 23,3m²): trị giá 109.516.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất trị giá: 3.909.516.000 đồng.

(Kích thước cụ thể thể hiện trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

5. Người được chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là: bà P T H 1, ông P Đ B, ông P Đ T, bà L T T, anh P Đ T 3, chị P T T D, bà N T B và bà L T H theo Quyết định của Bản án có quyền, nghĩa vụ chủ động đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai; đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất, tài sản gắn liền với đất được chia theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

6. Khi có yêu cầu, ông P Đ B và bà N T B – người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 080919 ngày 09/4/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho chủ sử dụng là ông P Đ Q và bà N T H phải có nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý không giao hoặc không thể giao lại được thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 và Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 33/2020/NĐ-CP, ngày 17/3/2020) của Chính phủ về hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

7. Lệ phí đo đạc, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các nguyên đơn tự nguyện chịu cả và đã thanh toán xong.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà P T H 1, do là người cao tuổi.
- Ông P Đ B phải chịu 132.151.528 đồng. Bà N T B phải chịu 19.226.528 đồng.
- Ông P Đ T phải chịu 111.914.625 đồng. Bà L T H phải chịu 1.914.625 đồng.
- Bà L T T, anh P Đ T 3 và chị P T T D phải chịu 110.190.320 đồng (mỗi người là 36.730.106 đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TANDTP. Hà Nội
- VKSND TP. Hà Nội
- VKSND huyện K

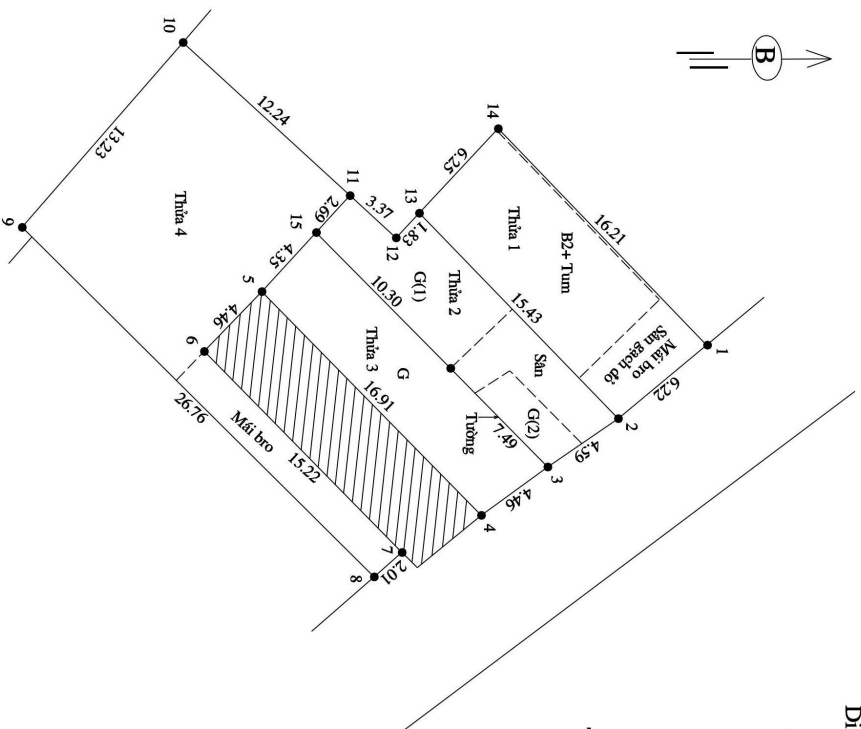
**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H.K
- Lưu hồ sơ vụ án

Thái Thị Hà Thu

(Kèm theo bản ấn DSST số 121, ngày 14/8/2024)

Địa chỉ: Thôn Dương Đá - xã Dương Xá - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội



ông Phùng Đức Bộ: 98.5 m2

Diện tích mái bro : 19.8 m²

Diện tích cửa xếp: 15.6 m²

ông Phùng Đức Tuyên

Diện tích nhà G(1): 42.2 m²

Diện tích sân lợp bro: 23.6 m²

Diện tích cửa sắt: 5.3 m²

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

bà Lê Thị Tuyền

bà Phùng Thị Thùy Dương: 76.0m2

Diện tích của xếp: 7.0 m²

Thử 4: Diện tích đất chia cho

Da Fikung III. Mai. 1753.3 MZ